

# **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY LẮP HỆ THỐNG ĐIỆN TIỀN PHƯƠNG**

## **CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

### **1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY LẮP HỆ THỐNG ĐIỆN TIỀN PHƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TIEN PHUONG POWER SYSTEM CONSTRUCTION AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TIENPHUONG POWERCAT CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107760123

**3. Ngày thành lập:** 13/03/2017

### **4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Cụm 7, thôn Phụng Nghĩa, Xã Phụng Châu, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0906 228 119

Fax:

Email: [tienphuong.electric@gmail.com](mailto:tienphuong.electric@gmail.com) Website: [thietbidien368.com](http://thietbidien368.com)

### **5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                 | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                     | 4321(Chính) |
| 2.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) | 4659        |
| 3.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép                                                                                                                       | 4662        |
| 4.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                   | 4663        |
| 5.  | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp                                                                                                                                                             | 0150        |
| 6.  | Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật                                                                                                                                                           | 1040        |
| 7.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                   | 3320        |
| 8.  | Sản xuất, truyền tải và phân phối điện                                                                                                                                                    | 3510        |
| 9.  | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                                                            | 3811        |
| 10. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                | 3312        |
| 11. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại                                                                                                                                                        | 3822        |
| 12. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                     | 4100        |
| 13. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                 | 4210        |
| 14. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                            | 4329        |
| 15. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                            | 4330        |
| 16. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                           | 4322        |
| 17. | Bán mô tô, xe máy                                                                                                                                                                         | 4541        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý,                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4610 |
| 19. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4651 |
| 20. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4652 |
| 21. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4932 |
| 22. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4933 |
| 23. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5510 |
| 24. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5610 |
| 25. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>Thiết kế điện công trình dân dụng và công nghiệp;<br>Tư vấn, thẩm định thiết kế điện công trình dân dụng và công nghiệp;<br>Giám sát công tác lắp đặt phần điện và thiết bị điện công trình đường dây và trạm biến áp;<br>Định giá xây dựng;<br>Hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo quy định; | 7110 |
| 26. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;                                                                                                                                                                                                                                                           | 8299 |
| 27. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                           | 4759 |
| 28. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4931 |
| 29. | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 0118 |
| 30. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1811 |
| 31. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1812 |
| 32. | Đúc kim loại màu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2432 |
| 33. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2710 |
| 34. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3314 |
| 35. | Thu gom rác thải độc hại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3812 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: NGUYỄN KIM PHƯƠNG

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 27/06/1990 Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001090013299

Ngày cấp: 28/06/2016

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Cụm 7, thôn Phụng Nghĩa, Xã Phụng Châu, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Cụm 7, thôn Phụng Nghĩa, Xã Phụng Châu, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN KIM PHƯƠNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 27/06/1990

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001090013299

Ngày cấp: 28/06/2016

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Cụm 7, thôn Phụng Nghĩa, Xã Phụng Châu, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Cụm 7, thôn Phụng Nghĩa, Xã Phụng Châu, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội